

Số: 33/2022/QĐST-HNGĐ

Quảng Ninh, ngày 22 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 48/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Minh K, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình;

Bị đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 6 năm 2022,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 6 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Minh K và anh Hoàng Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Minh K và anh Hoàng Văn T thống nhất thuận tình ly hôn

- Về nuôi con chung: Chị Phạm Thị Minh K và anh Hoàng Văn T thống nhất vợ chồng có 03 (ba) đứa con chung tên là Hoàng Thị Hồng H, sinh ngày 13/8/2003, Hoàng Thị Hồng N, sinh ngày 13/8/2012 và Hoàng Thị Ngọc H sinh ngày 28/01/2015. Hiện nay con Hoàng Thị Hồng H, Hoàng Thị Hồng N đang ở cùng anh T và con Hoàng Thị Ngọc H đang ở cùng với chị K. Chị K và anh T thỏa thuận thống nhất giao con Hoàng Thị Hồng N cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giao con Hoàng Thị Ngọc H cho chị K trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng tiền nuôi con cho bên nào. Con Hoàng Thị

Hồng H đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung không được ai cản trở.

- *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* Chị Phạm Thị Minh K và anh Hoàng Văn T thống nhất thỏa thuận vợ chồng có một số tài sản chung nhưng đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung nên không yêu cầu nhưng đề nghị Tòa án công nhận cụ thể như sau:

Vợ chồng thỏa thuận thống nhất có một số tài sản sau đây:

+ Thửa đất số 258 tờ bản đồ số 6 diện tích 72m² trong đó đất ở tại nông thôn là 60m² đất trồng cây hàng năm khác là 12m² địa chỉ: Xã Gia Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 940440 được UBND huyện Quảng Ninh cấp ngày 18 tháng 8 năm 2008 mang tên Hoàng Văn T và Phạm Thị Minh K, trị giá 100.000.000 đồng.

+ 01 nhà cấp 4 đồ bằng có diện tích 72m² tọa lạc trên thửa đất 258 có trị giá 100.000.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản chung 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng)

Vợ chồng thỏa thuận phân chia tài sản như sau:

+ Giao cho anh Hoàng Văn T được toàn quyền sở hữu, sử dụng thửa đất số 258, tờ bản đồ số 6 diện tích 72m², địa chỉ: Xã Gia Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 940440 được UBND huyện Quảng Ninh cấp ngày 18 tháng 8 năm 2008 mang tên Hoàng Văn Trung và Phạm Thị Minh K có giá trị 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và 01 ngôi nhà cấp 4 đồ bằng có diện tích 72m² trị giá 100.000.000 đồng. Tổng trị giá anh Hoàng Văn T được hưởng là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) anh T có nghĩa vụ giao tiền chênh lệch về tài sản cho chị Phạm Thị Minh K số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Chị Phạm Thị Minh K được hưởng tiền chênh lệch về tài sản từ anh Hoàng Văn Trung là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Phạm Thị Minh K và anh Hoàng Văn T mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn. Chị K thỏa thuận nộp thay toàn bộ án phí cho anh T. Tổng cộng án phí chị K phải nộp là 150.000 đồng. Số tiền án phí chị K phải nộp được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.075.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh theo biên lai thu tiền số 31AA/2021/0003858 ngày 01/6/2022. Chị K được hoàn trả số tiền 7.925.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với số tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 ,và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - VKSND huyện Quảng Ninh;
 - Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
 - TAND tỉnh Quảng Bình;
 - UBND xã Gia Ninh;
- (GCNKH số: 06, ngày 05/02/2003)
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Châu Mạnh Cường